

Bảo vệ quyền con người bằng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn điều tra

Trần Thu Hạnh*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thuỷ, Cầu.Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Nhận ngày 1 tháng 7 năm 2007

Tóm tắt. Tác giả bài viết trình bày việc bảo vệ quyền con người bằng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn điều tra thông qua thẩm quyền điều tra, việc thực hiện các biện pháp điều tra, về thời hạn điều tra, về tạm đình chỉ điều tra, về kết thúc điều tra và về quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can trong giai đoạn điều tra.

Quyền con người là khả năng của con người được đảm bảo về mặt pháp luật về việc sử dụng và chi phối các giá trị xã hội mang lại về vật chất, văn hoá, tinh thần trong phạm vi luật định và quyền quyết định các hoạt động của mình và của người khác trên cơ sở pháp luật.

Nói đến quyền con người là nói đến một tổng thể các quyền liên quan chặt chẽ với nhau. Đó là quyền của cá nhân gắn bó với quyền của cộng đồng dân tộc và cộng đồng nhân loại, bao gồm các quyền: quyền được sống, quyền về kinh tế, quyền về chính trị, quyền về văn hoá, quyền về xã hội, ... Ở Việt Nam những nội dung quyền con người, quyền công dân được đặt ra từ lâu và tồn tại suốt quá trình phát triển của dân tộc. Con người vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển xã hội, ở đó sự phát triển toàn diện của mỗi người gắn liền với sự phát triển toàn diện của xã hội. Quyền con người, quyền công dân Việt Nam được gắn liền với lợi ích của giai cấp, của dân tộc, lợi ích của toàn xã hội. Đồng thời "Ở nước Cộng hoà Xã hội Chủ

nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật" [1] bởi vậy, bảo vệ thành quả của sự nghiệp cách mạng Việt Nam bao hàm cả bảo vệ quyền con người, quyền công dân Việt Nam. Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thay mặt cho nhân dân thể chế ý chí và lợi ích của nhân dân thành pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật ấy. Do đó, bảo vệ trật tự xã hội chủ nghĩa gắn liền với bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân và chỉ thông qua bảo vệ có hiệu quả trật tự xã hội chủ nghĩa thì quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mới được thực hiện một cách đầy đủ. Đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân là cơ sở, là nội dung của bảo vệ trật tự xã hội. Đây là chức năng quan trọng của cả hệ thống pháp luật Việt Nam. Để thực hiện chức năng bảo vệ trật tự xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bên cạnh các quy phạm pháp luật có nội dung mang tính chất xây dựng thì pháp luật Việt Nam có một hệ thống quy phạm có nội dung mang tính chất bảo vệ. Những quy phạm pháp luật này quy định

*ĐT: 84-4-8350684.

E-mail: hanhtt@vnu.edu.vn

những việc công dân không được thực hiện. Nếu thực hiện là vi phạm pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội. Đồng thời pháp luật cũng quy định những việc công dân buộc phải làm, nếu không làm là vi phạm pháp luật, là gây nguy hiểm cho xã hội. Như vậy, mọi hành vi vi phạm pháp luật là đều gây nguy hiểm cho xã hội và đều bị xử lý bằng pháp luật. Để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, Nhà nước ta đã quy định một hệ thống các chế tài áp dụng đối với người có hành vi vi phạm, kể từ hành vi có mức độ nguy hiểm thấp nhất đến hành vi có mức độ nguy hiểm cao nhất. Hệ thống chế tài này bao gồm các biện pháp tác động trực tiếp đối với người vi phạm pháp luật từ mức độ thấp đến mức độ cao, có thể là khiển trách, cảnh cáo, buộc thôi việc... thuộc chế tài kỷ luật; bồi thường thiệt hại, phạt hợp đồng... thuộc chế tài dân sự; tước quyền sử dụng giấy phép, tạm giữ tang vật, phương tiện... thuộc chế tài hành chính; cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn... thuộc chế tài hình sự.

Việc quy định các biện pháp cưỡng chế như vậy nhằm buộc người vi phạm pháp luật phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình. Các biện pháp cưỡng chế này dù nhẹ nhất cũng trực tiếp xâm phạm đến các quyền tự do, tài sản, các quyền và lợi ích khác của người vi phạm pháp luật. Do vậy, việc quy định trình tự, thủ tục xem xét, xử lý và áp dụng các hình thức, biện pháp cưỡng chế đòi hỏi hết sức chặt chẽ để tránh xử lý oan, sai. Việc vi phạm các thủ tục này là trực tiếp vi phạm pháp luật, vi phạm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Trong số các hình thức xử lý đó các biện pháp tác động bằng luật hình sự đối với người phạm tội là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất. So với các hành vi vi phạm pháp luật khác thì hành vi vi phạm được quy định trong pháp luật hình sự có tính chất, mức độ, hậu quả nguy hại cho xã hội là nguy hiểm nhất; nên người thực hiện hành vi phạm tội sẽ phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm pháp luật hình sự của họ bằng các biện pháp cưỡng chế quy định tại

Bộ Luật hình sự. Chính vì trách nhiệm hình sự là trách nhiệm nặng nhất mà người vi phạm pháp luật phải chịu nên bên cạnh việc quy định hành vi nào là tội phạm và mức hình phạt tương ứng, Nhà nước còn quy định trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự rất chặt chẽ.

Tố tụng hình sự là trình tự thủ tục giải quyết vụ án hình sự. Trình tự thủ tục đó được chia thành các giai đoạn gồm khởi tố vụ án hình sự, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Trong đó giai đoạn điều tra là giai đoạn thứ hai trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Giai đoạn này được bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự và kết thúc bằng quyết định đề nghị truy tố người phạm tội ra trước Tòa án hoặc quyết định đình chỉ điều tra.

Theo hình thức tố tụng tranh tụng, trong suốt quá trình tranh tụng, các bên trao đổi với nhau về chứng cứ, lý lẽ, cảnh sát có nhiệm vụ thu thập chứng cứ ban đầu nhưng không có giai đoạn điều tra; việc tiến hành điều tra tại phiên tòa, bằng miệng, ngay cả biên bản của cảnh sát cũng chưa được coi là chứng cứ. Tòa án đóng vai trò là trọng tài giữa các bên. Còn theo hình thức tố tụng xét hỏi (thẩm vấn), vai trò của các cơ quan tiến hành tố tụng được đề cao. Hoạt động tố tụng có các giai đoạn rõ rệt. Việc xét xử của Tòa án chủ yếu dựa vào các tài liệu và vật chứng được Cơ quan điều tra thu thập được trong giai đoạn điều tra. Chính vì vậy "điều tra là khâu đột phá, là giai đoạn giữ vai trò thành bại đối với cả tiến trình tố tụng hình sự... Có thể nói, những kết quả khả quan cũng như sai lầm nghiêm trọng nhất như bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội... thường bắt nguồn từ điều tra. Vị trí của hoạt động điều tra... đối với công tác xét xử không chỉ giới hạn ở số lượng và chất lượng chứng cứ mà Cơ quan điều tra có thể cung cấp cho Tòa án mà thậm chí trong nhiều trường hợp sự nhận định, đánh giá tội phạm của Cơ quan điều tra và của Viện kiểm sát còn quy định của giới hạn xét xử" [2]. Trong giai đoạn này, Cơ quan điều tra được quyền sử dụng tất cả các

biện pháp điều tra để thu thập chứng cứ phục vụ cho việc giải quyết vụ án hình sự. Chính vì vậy luôn có nguy cơ xâm phạm đến các quyền cơ bản của công dân. Tố tụng hình sự Việt Nam theo hình thức tố tụng xét hỏi (thẩm vấn), nên có một giai đoạn điều tra với thời hạn được quy định theo từng loại tội. Các quy định của luật tố tụng hình sự về Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra, sự phối hợp giữa các Cơ quan điều tra, thời hạn điều tra, thủ tục tiến hành các biện pháp điều tra... đều để nhằm cho việc giải quyết vụ án hình sự được nhanh chóng, chính xác, khách quan nhưng cũng nhằm bảo vệ quyền con người không bị xâm hại khi các hoạt động của Cơ quan điều tra được thực hiện.

1. Bảo vệ quyền con người bằng quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thẩm quyền điều tra

Theo quy định của luật tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra của nước ta có ở nhiều cấp và nhiều ngành khác nhau. Nếu như “Khi xác định có dấu hiệu tội phạm thì Cơ quan điều tra phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự”, thì sau khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự để tiến hành việc điều tra trước tiên cần xác định thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra nào. Việc xác định đúng thẩm quyền điều tra có ý nghĩa quan trọng, vừa đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng vừa đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật tránh phải giải quyết đi giải quyết lại một vụ án chỉ vì lý do xác định sai thẩm quyền điều tra.

Để xác định thẩm quyền điều tra vụ án hình sự, cần phải dựa vào 3 căn cứ sau đây:

1) Căn cứ theo vụ việc: Dựa vào căn cứ này xác định được thẩm quyền điều tra vụ án hình sự này thuộc về Cơ quan cảnh sát điều tra hay Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân, thuộc về Cơ quan điều tra hình sự hay Cơ quan An ninh điều tra trong Quân đội nhân dân. Đồng thời từ căn cứ này cũng xác định được thẩm quyền điều tra thuộc cấp

quận, huyện hay cấp tỉnh, thành phố; thuộc cấp khu vực hay cấp quân khu.

2) Căn cứ theo đối tượng: Dựa vào căn cứ này xác định thẩm quyền điều tra vụ án hình sự này thuộc về Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân hay Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân hay Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát.

3) Căn cứ theo lãnh thổ: Dựa vào căn cứ này xác định chính xác thẩm quyền điều tra vụ án hình sự thuộc Cơ quan điều tra của huyện, quận, tỉnh, thành phố, khu vực hay quân khu nào.

Ngoài ra pháp luật tố tụng hình sự còn giao thẩm quyền điều tra cho các cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra đó là Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân và Quân đội nhân dân. Những cơ quan này không phải là Cơ quan điều tra nhưng trong lĩnh vực họ quản lý thường xuyên xảy ra tội phạm, và để đảm bảo đạt được mục đích của việc giải quyết vụ án hình sự là nhanh chóng, kịp thời, luật tố tụng hình sự đã giao cho những cơ quan này được quyền thực hiện một số hoạt động điều tra sau đó chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát hoặc Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời gian luật định. Theo Điều 111 Bộ Luật tố tụng hình sự (BLTTHS) ngoài việc quy định nhiệm vụ của những cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, Điều luật còn quy định “Khi tiến hành hoạt động điều tra, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong phạm vi thẩm quyền tố tụng của mình phải thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục tố tụng đối với hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật này.”

Việc quy định rõ ràng, cụ thể các Cơ quan điều tra, các cơ quan được giao tiến hành một

số hoạt động điều tra và thẩm quyền điều tra của những cơ quan này có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nó giúp cho các cơ quan này chủ động trong việc tấn công, chống và phòng ngừa tội phạm, tránh sự chống chéo, trùng lặp khi tiến hành điều tra, hạn chế bỏ lọt tội phạm trong hoạt động tố tụng hình sự.

2. Bảo vệ quyền con người bằng quy định của pháp luật tố tụng hình sự về việc thực hiện các biện pháp điều tra

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra được sử dụng rất nhiều các biện pháp điều tra. Những biện pháp điều tra hay còn gọi là những biện pháp thu thập chứng cứ, chỉ có những chứng cứ thu thập theo những biện pháp này mới thỏa mãn thuộc tính hợp pháp của chứng cứ, ít nhiều đụng chạm đến một số quyền cơ bản của công dân hay nói cách khác đụng chạm đến quyền con người. Chính vì vậy đòi hỏi Cơ quan điều tra phải cân nhắc và thực hiện theo trình tự thủ tục và thẩm quyền đã được quy định chặt chẽ trong pháp luật tố tụng hình sự của nước ta.

1) Khởi tố bị can và hỏi cung bị can. Đây là biện pháp điều tra được sử dụng trong bất kỳ vụ án hình sự nào. Tuy nhiên đây là biện pháp có đụng chạm đến quyền tự do của con người, nên Bộ Luật tố tụng hình sự đã quy định tại Điều 126: “ Khi có đủ căn cứ để xác định một người thực hiện hành vi phạm tội thì Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can”. Như vậy, nếu không có đủ căn cứ một người đã thực hiện hành vi phạm tội thì nếu có nghi ngờ Cơ quan điều tra cũng không được ra quyết định khởi tố bị can. Đồng thời Bộ Luật tố tụng hình sự còn quy định quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra trong thời hạn 24 giờ phải được gửi cho Viện kiểm sát phê chuẩn. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải quyết định phê chuẩn hoặc quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố bị

can khi thấy không có hoặc không đủ căn cứ để khởi tố bị can. Sau khi ra quyết định khởi tố bị can, Điều tra viên phải tiến hành hỏi cung bị can ngay. Việc tiến hành hỏi cung bị can cũng phải đảm bảo theo trình tự và thủ tục được quy định. Trước khi tiến hành hỏi cung, Điều tra viên phải đọc quyết định khởi tố bị can và giải thích cho bị can biết rõ quyền và nghĩa vụ của bị can. Quá trình hỏi cung phải được lập biên bản và phải được đọc lại cho bị can nghe sau khi kết thúc việc hỏi cung. Bị can có quyền bổ sung sửa chữa trong biên bản và ký vào biên bản. Đặc biệt một trong những nguyên tắc khi tiến hành hỏi cung là các Điều tra viên không được có hành vi bức cung, dùng nhục hình. Các hành vi này không những xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan tiến hành tố tụng mà còn xâm phạm nghiêm trọng quyền tự do, dân chủ của công dân. Vì vậy, những người thực hiện hành vi bức cung, dùng nhục hình phải chịu trách nhiệm hình sự về Tội dùng nhục hình (Điều 298 Bộ Luật hình sự (BLHS) 1999) và Tội bức cung (Điều 299 BLHS 1999). Ngoài ra Điều tra viên không được hỏi cung vào ban đêm (từ 22h đến 06h) trừ trường hợp không thể trì hoãn được. Nếu Điều tra viên tiến hành hỏi cung vào ban đêm phải ghi lý do vào biên bản hỏi cung bị can.

2) Khám xét, tạm giữ, thu giữ và kê biên tài sản. Đây là những biện pháp nhằm thu thập chứng cứ là vật chứng. Theo Điều 74 BLTTHS 2003 “Vật chứng là vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội; vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm cũng như tiền bạc và vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội”. Người phạm tội sau khi thực hiện tội phạm thường tìm mọi cách để tiêu hủy, cất giấu vật chứng, Cơ quan điều tra cần thu thập được thì mới giải quyết được vụ án một cách khách quan và nhanh chóng. Do vậy pháp luật tố tụng hình sự cho phép Cơ quan điều

tra được sử dụng biện pháp khám người, khám xét chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm; thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện. Tuy nhiên những biện pháp này được chạm trực tiếp đến những quyền cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp 1992 như quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở... Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật (Điều 73), quyền bất khả xâm phạm về thân thể (Điều 71)... Chính vì vậy khi thực hiện các biện pháp này cũng phải tuân thủ theo trình tự thủ tục của pháp luật tố tụng hình sự. Điều 140 BLTTHS quy định chỉ thực hiện việc khám xét khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm của một người có công cụ, phương tiện phạm tội, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án và khi cần phải thu thập tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án thì có thể khám thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm. Đồng thời để tránh việc tiến hành việc khám xét một cách tùy tiện, trong giai đoạn điều tra, khi các Điều tra viên muốn thực hiện biện pháp này đòi hỏi phải có lệnh khám xét của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra và có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát trước khi thi hành. Trong trường hợp không thể trì hoãn thì Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra ra lệnh khám xét và trong thời gian 24 giờ từ khi khám xong, người ra lệnh phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp.

Khám người là việc lục soát, tìm tòi trên thân thể để tìm và thu giữ chứng cứ phạm tội trên người đó. Việc khám người phải tuân theo những thủ tục sau: khi bắt đầu khám người, phải đọc lệnh khám và đưa cho đương sự đọc lệnh khám đó; phải giải thích quyền và nghĩa vụ cho họ. Trước khi thi hành khám người, phải yêu cầu người bị khám đưa những đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án, nếu đương sự từ chối thì tiến

hành khám. Việc khám người phải được tiến hành nam khám nam, nữ khám nữ và đặc biệt phải có người chứng kiến cùng giới.

Khám xét chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm cũng phải có lệnh của người có thẩm quyền và phải tuân theo thủ tục như biện pháp khám người. Ngoài ra phải có mặt người chủ hoặc người đã thành niên trong gia đình họ, có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn và người láng giềng chứng kiến; trong trường hợp đương sự và người trong gia đình họ cố tình vắng mặt, bỏ trốn hoặc đi vắng lâu ngày mà việc khám xét không thể trì hoãn thì phải có đại diện chính quyền và hai người láng giềng chứng kiến. Không được khám chỗ ở vào ban đêm trừ trường hợp không thể trì hoãn được và phải ghi lý do vào biên bản khám xét. Khi khám chỗ làm việc của một người thì phải có mặt người đó, trừ trường hợp không thể trì hoãn, nhưng phải ghi lý do không thể trì hoãn đó vào biên bản. Trong quá trình khám xét, những người có mặt không được tự ý rời khỏi nơi đang bị khám, không được liên hệ, trao đổi với nhau hoặc với những người khác cho đến khi khám xong.

Khám xét và thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện phải có lệnh của những người có thẩm quyền. Người thi hành lệnh phải thông báo cho người phụ trách cơ quan bưu điện hữu quan trước khi tiến hành thu giữ. Người phụ trách đó phải giúp đỡ người thi hành lệnh hoàn thành nhiệm vụ. Khi thu giữ những vật chứng này phải có đại diện cơ quan bưu điện chứng kiến, lập biên bản và ký xác nhận vào biên bản đó. Cơ quan ra lệnh thu giữ phải thông báo cho người có thư tín, điện tín, bưu điện, bưu phẩm bị thu giữ biết, trừ thông báo cản trở việc điều tra thì sau khi cản trở đó không còn nữa, người thu giữ phải thông báo ngay.

3) Các biện pháp điều tra khác như khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi,

xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra, giám định, đối chất nhận dạng. Đây là những biện pháp điều tra tuy không đụng chạm trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân nhưng cũng ít nhiều ảnh hưởng đến quyền của công dân. Chính vì vậy khi tiến hành những biện pháp này cũng phải tuân theo những thủ tục được quy định chặt chẽ trong Bộ Luật tố tụng hình sự. Đặc biệt hầu hết các biện pháp điều tra của Cơ quan điều tra đều phải có mặt của một người mới được coi là đúng thủ tục và có giá trị pháp lý đó là người chứng kiến. Người chứng kiến là "người được Cơ quan điều tra mời tham dự để chứng kiến việc tiến hành một số hoạt động điều tra mà Bộ Luật tố tụng hình sự quy định" [3]. Việc tham gia của người chứng kiến ngoài việc để hoạt động điều tra được tiến hành một cách khách quan thì sự hiện diện của họ còn để xác nhận nội dung và kết quả của các hoạt động điều tra mà họ có mặt. Người chứng kiến không giống như người làm chứng. Người chứng kiến trong hoạt động điều tra có thể là người không biết bất kỳ tình tiết của vụ án hình sự. Ngoài ra khi tiến hành bất kỳ biện pháp điều tra nào, những người thực hiện cũng phải lập biên bản và biên bản không được sửa chữa. Nếu có sửa chữa thì phải có chữ ký xác nhận của người thực hiện và người chứng kiến. Quyền bất khả xâm phạm đến sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân được pháp luật tố tụng hình sự bảo vệ khi các Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp thực nghiệm điều tra. Điều 153 BLTTHS quy định "*khi tiến hành thực nghiệm điều tra không được xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của những người tham gia việc thực nghiệm điều tra*". Đối với kết luận giám định, theo Điều 158 BLTTHS 2003 quy định "*Sau khi đã tiến hành giám định, nếu bị can, những người tham gia tố tụng khác yêu cầu thì cơ quan đã trưng cầu giám định phải thông báo cho họ về nội dung kết luận giám định*".

Bị can, những người tham gia tố tụng khác được trình bày những ý kiến của mình

về kết luận giám định, yêu cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại. Những việc này được ghi vào biên bản.

Trong trường hợp Cơ quan điều tra không chấp nhận yêu cầu của bị can, những người tham gia tố tụng khác thì phải nêu rõ lý do và thông báo cho họ biết. Đây là quy định tiến bộ trong tố tụng hình sự, thể hiện tính dân chủ, công khai cũng như đảm bảo các quyền của công dân.

Để xác định sự thật vụ án, trách nhiệm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng đặc biệt là Cơ quan điều tra. Tuy vậy khi tiến hành các hoạt động điều tra, Cơ quan điều tra để đụng chạm trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân cũng như quyền con người chính vì vậy pháp luật tố tụng hình sự đã quy định chặt chẽ về căn cứ, thẩm quyền, thủ tục khi áp dụng từng biện pháp cụ thể. Đòi hỏi khi tiến hành biện pháp điều tra nào, những người thực hiện cần phải tuân thủ nghiêm ngặt những quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích của bị can cũng như của những người tham gia tố tụng khác.

3. Bảo vệ quyền con người bằng quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thời hạn điều tra

Để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, kịp thời, và tránh việc kéo dài một cách vô lý thời gian, Bộ Luật tố tụng hình sự đã quy định thời hạn tối đa cho việc điều tra vụ án hình sự. Thời hạn điều tra được quy định theo từng loại tội trong đó thời hạn điều tra tội phạm ít nghiêm trọng là 2 tháng được quyền gia hạn một lần không quá 2 tháng; tội phạm nghiêm trọng là 3 tháng được quyền gia hạn 2 lần, lần một không quá 3 tháng, lần hai không quá 2 tháng; tội phạm rất nghiêm trọng là 4 tháng được quyền gia hạn 2 lần mỗi lần không quá 4 tháng và tội đặc biệt nghiêm trọng là 4 tháng được quyền gia hạn 4 lần mỗi lần

không quá 4 tháng (trừ tội xâm phạm an ninh quốc gia được quyền gia hạn thêm một lần không quá 4 tháng). Như vậy thời gian điều tra tội đa đoi với tội phạm ít nghiêm trọng là 4 tháng, tội phạm nghiêm trọng là 8 tháng, tội phạm rất nghiêm trọng là 12 tháng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là 20 tháng. Việc gia hạn điều tra cần dựa trên các điều kiện cần thiết và phải được Viện trưởng Viện kiểm sát phê chuẩn.

4. Bảo vệ quyền con người bằng quy định của pháp luật tố tụng hình sự về tạm đình chỉ điều tra

Trong quá trình điều tra vụ án hình sự, các quyền và lợi ích thiết thực của bị can như quyền được khám bệnh và chữa bệnh được tôn trọng và bảo vệ. Chính vì vậy Bộ Luật tố tụng hình sự quy định khi bị can bị bệnh tâm thần và mắc bệnh hiểm nghèo khác có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y thì có thể tạm đình chỉ điều tra trước khi hết hạn điều tra và việc điều tra chỉ được tiến hành trở lại khi có cơ sở khẳng định bị can đã khỏi bệnh. Đồng thời để kịp thời đấu tranh chống tội phạm, tránh việc kéo dài hoạt động điều tra vụ án hình sự, Bộ Luật tố tụng hình sự còn quy định trong trường hợp không xác định được bị can hoặc không biết bị can đang ở đâu thì ra quyết định tạm đình chỉ điều tra khi đã hết thời hạn điều tra.

5. Bảo vệ quyền con người bằng quy định của pháp luật tố tụng hình sự về kết thúc điều tra

Kết thúc điều tra là việc Cơ quan điều tra đã hoàn thành nhiệm vụ điều tra hoặc hết thời hạn điều tra bằng việc ra quyết định đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ vụ án. Chỉ khi có đầy đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra mới làm bản kết luận điều tra và đề nghị truy tố bị can trước

Toà án. Bản kết luận điều tra của Cơ quan điều tra phải được nêu rõ đầy đủ hành vi phạm tội cũng như những chứng cứ sử dụng để chứng minh đồng thời phải nêu rõ các nguyên nhân, điều kiện phạm tội và các kiến nghị khắc phục, giải quyết. Bản kết luận điều tra phải ghi rõ ngày, tháng, năm, họ và tên, chức vụ và chữ ký của người làm bản kết luận điều tra, biện pháp ngăn chặn được áp dụng, vật chứng... Sau khi hoàn thành bản kết luận này, Cơ quan điều tra ra quyết định đề nghị truy tố gửi Viện kiểm sát cùng toàn bộ hồ sơ vụ án hình sự đó. Đồng thời Cơ quan điều tra phải thông báo đến bị can và người bào chữa biết về quyết định đề nghị truy tố đã được chuyển sang Viện kiểm sát để họ chuẩn bị việc bào chữa. Nếu có những căn cứ sau: người bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đôi với những vụ án phải khởi tố theo yêu cầu của người bị hại; không có sự việc phạm tội; hành vi không cấu thành tội phạm; người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; tội phạm được đại xá; người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết; tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội; người chưa thành niên phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 69 BLHS 1999; những trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 25 BLHS 1999; đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can thực hiện hành vi phạm tội thì Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra. Đình chỉ điều tra là việc Cơ quan điều tra ngừng hẳn toàn bộ hoạt động điều tra đôi với vụ án hình sự cũng như đôi với bị can. Cơ quan điều tra cũng phải gửi quyết định đình chỉ cho Viện kiểm sát cùng cấp và báo cho bị can, người bị

hại biết. Nếu trong vụ án có nhiều bị can mà việc đình chỉ không liên quan đến tất cả các bị can, thì có thể đình chỉ điều tra đối với từng bị can.

Khi những căn cứ tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra không còn nữa, Cơ quan điều tra có quyền phục hồi điều tra nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Quyết định phục hồi điều tra phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp. Nếu việc đình chỉ điều tra do hết thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc do tội phạm đã được đại xá mà bị can không đồng ý và yêu cầu điều tra thì Cơ quan điều tra ra quyết định phục hồi điều tra.

6. Bảo vệ quyền con người bằng quy định của pháp luật tố tụng hình sự về quyền bào chữa của người tạm giữ, bị can trong giai đoạn điều tra

Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, bị can là đối tượng chủ yếu mà đối với họ, những người tiến hành tố tụng thực hiện các hoạt động điều tra. Các hoạt động này có quan hệ trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân khi những công dân này là bị can của vụ án hình sự. Vì vậy, bị can phải được quyền bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đó chính là quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Quyền này cũng là một trong những quyền được ghi nhận trong Hiến pháp 1992 và là một nguyên tắc cơ bản được quy định trong Bộ Luật tố tụng hình sự. Bị can có quyền đưa ra các chứng cứ nhằm gỡ tội, làm giảm bớt trách nhiệm hình sự hoặc phản bác lại các kết luận buộc tội của các cơ quan tiến hành tố tụng khi họ bị bắt và khởi tố. Đồng thời bị can có quyền nhờ người khác bào chữa. Sự tham gia tố tụng của người bào chữa trong giai đoạn điều tra theo Bộ Luật tố tụng hình sự 2003 kể từ khi có quyết định tạm giữ. So với Bộ Luật tố tụng hình sự 1988 người bào chữa tham gia tố tụng từ khi có quyết định khởi tố bị can thì quy định của BLTTHS 2003 đã mở rộng quyền bào chữa cho người bị tạm giữ.

Đây là mở rộng quan trọng về quyền bào chữa, ngay trước khi khởi tố bị can, tạo điều kiện cho người bị bắt được sự giúp đỡ của người bào chữa ngay sau khi có quyết định tạm giữ, tránh sự truy ép cung.

Trong trường hợp nhất định, để đảm bảo tính nhân đạo đồng thời đảm bảo giải quyết vụ án khách quan, toàn diện, đầy đủ thì sự tham gia của người bào chữa là bắt buộc, đó là trường hợp: "*Bị can về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình được quy định trong Bộ Luật hình sự*" và trường hợp "*Bị can là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần và thể chất*".

Người bào chữa có quyền có mặt khi lấy lời khai của bị can, khi hỏi cung bị can. Họ có quyền đề nghị Cơ quan điều tra báo trước về thời gian, địa điểm... để họ có mặt khi hỏi cung bị can. Vì vậy đây là nghĩa vụ của điều tra viên phải thông báo cho người bào chữa. Sự có mặt của người bào chữa khi lấy lời khai hoặc hỏi cung là để đảm bảo cho việc điều tra được khách quan, không có sự vi phạm về quyền của người bị tạm giữ, bị can. Người bào chữa được quyền hỏi người bị tạm giữ, bị can và có mặt trong các hoạt động điều tra khác. Đồng thời người bào chữa có quyền thu thập chứng cứ, đọc tài liệu trong hồ sơ và gặp người bị tạm giữ, bị can bị tạm giam. Sự có mặt của người bào chữa trong các hoạt động điều tra cũng như những quyền của người bào chữa sẽ giúp cho người bào chữa thu thập thêm những tài liệu, chứng cứ cần thiết chứng minh cho sự vô tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị can.

Để đảm bảo quyền bào chữa của bị can được tôn trọng, bên cạnh việc quy định Cơ quan điều tra phải tạo điều kiện cho họ thực hiện quyền này theo luật định, Bộ Luật tố tụng hình sự còn nghiêm cấm các hành vi vi phạm quyền bào chữa của bị can (mớm cung, búc cung, cản trở việc tham gia tố tụng của người bào chữa...). Nếu vi phạm quyền bào chữa, tùy theo từng trường hợp vi phạm, người tiến hành tố tụng có thể bị xử lý theo

quy định của pháp luật, nhiều khi bản án đã tuyên phải huỷ để điều tra lại.

Việc đảm bảo quyền bào chữa là cơ sở để đảm bảo cho các quan tố tụng, những người tiến hành tố tụng thực hiện nghiêm chỉnh và triệt để các quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự nhằm bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

Tóm lại, tố tụng hình sự nói chung và giai đoạn điều tra nói riêng là lĩnh vực nhạy cảm, liên quan mật thiết đến các quyền công dân, quyền con người. Có thể nói, để bảo vệ quyền con người trên thực tế, trước tiên phải quan tâm bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự. Đảng và Nhà nước ta đã chú ý sử dụng nhiều biện pháp: chính trị, tư tưởng, pháp luật, đào tạo, giáo dục... để nhằm đảm bảo hoạt động tố tụng có tác dụng tích cực trong lĩnh vực bảo vệ nhân quyền. Trong giai đoạn điều tra, các quy định của pháp luật tố tụng hình sự đã chú ý đến việc bảo vệ quyền con người và càng ngày càng hoàn thiện hơn trong công cuộc xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Tài liệu tham khảo

- [1] *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992.
- [2] Trần Đình Nhã, *Về đôi môi tố chức Cơ quan điều tra, Kỳ yếu: Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của tố tụng hình sự Việt Nam*, Hà Nội, 1995.
- [3] *Từ điển bách khoa*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 1990.
- [4] *Bộ Luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1988*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992.
- [5] *Bộ Luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2003*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
- [6] Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
- [7] Lê Cẩm, Nguyễn Ngọc Chí, Trịnh Quốc Toàn (đồng chủ trì), *Bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
- [8] Chu Hồng Thanh, *Tìm hiểu về nhân quyền trong thế giới hiện đại*, NXB Lao động, Hà Nội, 1996.

The protection of human rights by regulations of Law on Criminal Procedure in the stage of investigation

Tran Thu Hanh

*Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

The author interpreted the protection of human rights by the regulations of law on criminal procedure in the stage of investigation by the jurisdiction of investigation, the application of investigation measures, the duration of investigation, the temporary suspend of investigation, the end of investigation, and the defensive rights of the internee, the arrestee in the stage of investigation.